

Bản án số: 88/2019/HS-ST  
Ngày: 27-11-2019

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Triệu Luật.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

Bà Trần Thị Ngọc Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:**

Bà Trần Thị Hương Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 80/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

**1/Lê Tuấn D;** sinh năm: 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: đường D, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn M (chết) và bà: Trần Thị H; tiền án: 02 (ngày 20/01/2011 bị Tòa án nhân dân Quận 3 xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 19/2011/HSST, ngày 09/3/2011 bị Tòa án nhân dân Quận 4 xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 22/2011/HSST); tiền sự: 01 (ngày 08/6/2018 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định xử lý hành chính giáo dục tại Phường với thời hạn 03 tháng về hành vi “Sử dụng chất ma túy” theo quyết định số 214/QĐ-UBND); nhân thân: ngày 25/8/2005 bị Tòa án nhân dân Quận 1 xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; bị bắt giữ ngày: 17/4/2019.

**2/Phạm Trần Phương T**; sinh năm: 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không; nơi ở:/(không có nơi ở nhất định); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn M và bà: Trần Thị Kim O; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân:/; bị bắt giữ ngày: 17/5/2019.

(Các bị cáo có mặt).

- *Bị hại:*

Ông Lê Ngọc K – Sinh năm: 1974(Vắng mặt).

Địa chỉ: đường C, Phường H, Quận M, TP.HCM.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Lê Trần Phương D – Sinh năm: 1983(Vắng mặt).

Địa chỉ: đường D, Phường M, Quận T, TP.HCM.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 ngày 02/12/2019, Lê Tuấn D mượn xe mô tô biển số 59C1-969.88 chở Phạm Trần Phương T. Đến khoảng 16 giờ 30 cùng ngày, khi đi ngang qua trước nhà số 392/20/46 Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, D nhìn thấy anh Lê Ngọc K đang sử dụng điện thoại di động nên rủ T cướp giật tài sản, T đồng ý. D chạy vòng xe ra đường Hoàng Dur Khương và đưa cho T một cuộn băng keo đen, T dùng băng keo đen để dán sửa biển số từ 969.88 thành 868.88. Sau đó, D chạy xe vào hẻm 392/20 Cao Thắng, Phường 12, Quận 10. Lúc này, D chạy xe áp sát anh K rồi dùng tay trái giật chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus của anh K; sau đó, cả hai chạy thoát (hành vi của D và T đã được camera ghi hình). Sau khi chiếm đoạt được tài sản, D đưa điện thoại di động cho T giữ rồi đem bán cho đối tượng tên Tài (không rõ lai lịch, địa chỉ) ở Quận 4 được 3.500.000 đồng. Số tiền này, D và T đã tiêu xài hết. Đối với anh K, sau khi bị chiếm đoạt tài sản đã đến Công an Phường 12, Quận 10 trình báo vụ việc; Công an Phường 12, Quận 10 đã lập hồ sơ ban đầu; sau đó chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Tài sản bị chiếm đoạt là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đen (tài sản không thu hồi được); nhưng anh Lê Ngọc K không có yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tại Kết luận định giá tài sản số 131/KL-ĐGTS ngày 27/02/2019 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự –

Ủy ban nhân dân Quận 10 kết luận chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus trị giá 9.000.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định khởi tố, điều tra đối với Lê Tuấn D, Phạm Trần Phương T về hành vi “Cướp giật tài sản”.

Quá trình điều tra, D và T đã khai nhận hành vi của mình và D đang bị tạm giam để điều tra về hành vi phạm tội “Cướp giật tài sản” tại Quận 4, T đang bị tạm giam để điều tra về hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Quận 8.

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 59C1-969.88; qua xác minh, chiếc xe trên do chị Lê Trần Phương D1 là chủ sở hữu hợp pháp. Ngày 02/12/2019, chị D1 cho Lê Tuấn D mượn xe. Sau đó, D sử dụng xe để đi cướp giật tài sản, chị D1 không biết. Hiện xe đang được chị D1 quản lý, sử dụng.

Tại bản cáo trạng số 79/CT-VKSQ.10 ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Lê Tuấn D về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Phạm Trần Phương T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) và nhân thân của từng các bị cáo; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt các bị cáo:

Lê Tuấn D từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù, phạt bổ sung đối với các bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Phạm Trần Phương T từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù, miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đề nghị xử lý trách nhiệm và các biện pháp tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của các các bị cáo: Không có ý kiến gì tranh luận.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng, nội dung ghi hình camera, bản ảnh vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định các bị cáo Lê Tuấn D, Phạm Trần Phương T thực hiện hành vi dùng thủ đoạn nguy hiểm là sử dụng xe mô tô có phân khối lớn, lợi dụng sự sơ hở của người khác mà nhanh chóng công khai cướp giật tài sản của bị hại ngay trên đường phố, nên các bị cáo bị truy tố và xét xử về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Riêng đối với bị cáo Lê Tuấn D có nhân thân: Ngày 20/01/2011 bị Tòa án nhân dân Quận 3 xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 19/2011/HSST, ngày 09/3/2011 bị Tòa án nhân dân Quận 4 xử phạt 04 năm tù

về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 22/2011/HSST; bị cáo đã bị kết án về các tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, hành vi này là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); nên bị cáo truy tố và xét xử thêm một tình tiết định khung nữa về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội; ngoài ra bị cáo D còn có đặc điểm nhân thân: Ngày 08/6/2018 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định xử lý hành chính giáo dục tại Phường với thời hạn 03 tháng về hành vi “Sử dụng chất ma túy” theo quyết định số 214/QĐ-UBND) (chưa xóa tiền sự), ngày 25/8/2005 bị Tòa án nhân dân Quận 1 xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (đã xóa án tích). Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương; ngoài ra áp dụng khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) phạt bổ sung bị cáo D một số tiền để nộp ngân sách Nhà nước.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo (nhưng chưa thật sự ăn năn hối cải); do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo; đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt mặc dù chưa thu hồi được, nhưng phía bị hại không yêu cầu gì; do vậy không có gì để Tòa giải quyết.

Về số tiền thu lợi bất chính: Đối với hành vi các bị cáo Lê Tuấn D, Phạm Trần Phương T chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus của bị hại là ông Lê Ngọc K, sau đó đem bán cho một đối tượng (không rõ lai lịch) với giá 3.500.000 đồng và tiêu xài hết; nên chưa thu hồi lại được tài sản; nay mặc dù phía bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản bị chiếm đoạt;

nhưng số tiền 3.500.000 đồng mà các bị cáo có được là do phạm tội mà có; vậy căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tịch thu khoản tiền trên, nộp ngân sách Nhà nước, các bị cáo có trách nhiệm liên đới giao nộp lại.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Tuấn D, Phạm Trần Phương T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 53; điểm d, i khoản 2, 5 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Tuấn D;

Xử phạt bị cáo Lê Tuấn D 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2019.

Phạt bổ sung bị cáo D 10.000.000 (Mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Trần Phương T;

Xử phạt bị cáo Phạm Trần Phương T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2019.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017), tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước khoản tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm ngàn) đồng, các bị cáo Lê Tuấn D, Phạm Trần Phương T có trách nhiệm liên đới giao nộp lại.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc:

- Bị cáo D chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

- Bị cáo T chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với các bị cáo tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.10; (2)
- Công an Q.10; (2)
- Chi cục THADS Q.10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (4)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Triệu Luật**